

# SỰ PHÁT TRIỂN QUAN ĐIỂM, TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ VAI TRÒ KINH TẾ TƯ NHÂN (1986-2025)

PGS, TS VŨ HÙNG CƯỜNG

*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

*Ngày nhận:*

30-5-2025

*Ngày thẩm định, đánh giá:*

30-6-2025

*Ngày duyệt đăng:*

10-7-2025

**Tóm tắt:** Những thành tựu của 40 năm đổi mới gắn liền với sự vận động về quan điểm và tư duy của Đảng về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân, được thể hiện rõ nét trong các Văn kiện Đại hội của Đảng, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng về kinh tế tư nhân. Bài viết nhìn lại quan điểm của Đảng về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân qua các kỳ Đại hội thời kỳ đổi mới, khái quát sự phát triển và đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân, từ đó nêu lên một số khuyến nghị để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế tư nhân”, để khu vực kinh tế tư nhân thực sự phát huy được vai trò là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia trong kỷ nguyên mới.

**Từ khóa:**

*Kinh tế tư nhân; quan điểm của Đảng; động lực quan trọng nhất; Nghị quyết số 68-NQ/TW; Việt Nam*

Tiến trình thay đổi quan điểm, tư duy, nhận thức của Đảng về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân (KTTN) đã được thể hiện rõ nét trong các Văn kiện Đại hội của Đảng và các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng qua các nhiệm kỳ, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới. Theo đó, từ chỗ lần đầu tiên KTTN được chính thức công nhận (Đại hội VI của Đảng (1986)), đến “trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế”

(Đại hội XII của Đảng (2016)) và Đại hội XIII của Đảng (2021). Về KTTN, có các nghị quyết chuyên đề như, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3-6-2017 của HNTU5 khóa XII về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN). Tiếp đó, gần đây nhất, năm 2025, KTTN đã được khẳng định là “một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia” (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 của Bộ Chính trị “về

phát triển kinh tế tư nhân”). Đây thực sự là một cuộc cách mạng về quan điểm, tư duy và nhận thức của Đảng về vai trò của khu vực KTTN, vượt qua rào cản tư duy bảo thủ, định kiến, mở rộng tối đa không gian phát triển cho khu vực KTTN. Sự kiên trì, thận trọng trong chuyển biến về quan điểm, tư duy, nhận thức của Đảng về vai trò của khu vực KTTN, cùng việc ban hành các chiến lược, chính sách phát triển của Chính phủ phù hợp theo từng thời kỳ, đã giúp cho khu vực KTTN từng bước lớn mạnh, ngày càng khẳng định vai trò đóng góp quan trọng đối với nền kinh tế quốc gia trong suốt 40 năm đổi mới, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

### **1. Quan điểm của Đảng về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân qua các kỳ Đại hội**

Quan điểm, tư duy, nhận thức của Đảng về vai trò của khu vực KTTN được thể hiện rất rõ nét trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng qua các kỳ Đại hội. Văn kiện Đại hội VI của Đảng (1986), khu vực KTTN lần đầu tiên được chính thức công nhận trong nhóm các thành phần kinh tế phi XHCN, bên cạnh các thành phần kinh tế XHCN, bao gồm: tiểu sản xuất hàng hóa, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc. Sự phân loại này khiến khu vực KTTN bị loại khỏi nhóm được ưu tiên phát triển theo mô hình nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bởi sự e ngại khu vực KTTN có thể làm chệch hướng đi lên CNXH. Sự phân chia khá cực đoan này đã được điều chỉnh trong Văn kiện Đại hội VII của Đảng (1991), theo đó hai nhóm các thành phần kinh tế XHCN và phi XHCN đã được cơ cấu lại thành 5 nhóm gồm: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước. Sự phân chia này đã

giải quyết được bước đầu định kiến và sự e ngại về khu vực KTTN, tạo tiền đề tốt hơn cho sự phát triển của khu vực KTTN. Văn kiện Đại hội VIII của Đảng (1996) tiến thêm một bước khi công nhận thêm thành phần tiểu chủ và đặc biệt là trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng (2001), khu vực KTTN đã được công nhận gồm: kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (khu vực FDI). Điều này tạo cú hích cho sự bùng nổ thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam những năm tiếp theo. Cùng với sự công nhận ba hình thức sở hữu cơ bản của nền kinh tế gồm: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, vai trò của khu vực KTTN bắt đầu được định hình ngày càng rõ nét hơn, để từ đó Nhà nước xóa bỏ phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu. Bắt đầu từ Đại hội X của Đảng (2006) và tiếp theo là Đại hội XI của Đảng (2011), khu vực KTTN đã được xác định “là một trong những động lực của nền kinh tế”<sup>1</sup>. Mặc dù trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng (2016) và Đại hội XIII của Đảng (2021), nhất là sau khi có Nghị quyết số 10-NQ/TW (2017), khu vực KTTN đã được nâng tầm là “một trong những động lực quan trọng”, đây là cơ sở quan trọng để Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển KTTN, hoàn thiện môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thuận lợi hơn, nhưng việc chưa thực sự rõ ràng trong xác định các động lực quan trọng, xác định động lực nào là quan trọng nhất, cơ bản nhất, khiến cơ chế chính sách vẫn có phần nhùng nhằng, thiên vị cho khu vực kinh tế nhà nước (KTNN) và khu vực FDI.

Khúc mắc này đã được giải quyết triệt để trong Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 khi xác định rõ khu vực KTTN là “một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng”.

Từ đây, khu vực KTTN được mở rộng không gian phát triển, kỳ vọng có những chính sách hỗ trợ hiệu quả, và đặc biệt là được đối xử bình đẳng hơn, công bằng hơn trong tiếp cận các nguồn lực phát triển, được hoạt động trong một môi trường đầu tư và kinh doanh bình đẳng, thuận lợi hơn.

## 2. Sự phát triển và đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân qua 40 năm đổi mới

**Một là, sự lớn mạnh về lực lượng doanh nghiệp.** Trước năm 1991, khi khu vực KTTN chưa được định hình rõ trong Văn kiện của Đảng, số lượng doanh nghiệp khu vực KTTN chỉ có khoảng 5.000 doanh nghiệp. Tuy nhiên, từ sau năm 2000, số lượng doanh nghiệp khu vực KTTN có sự gia tăng mạnh về số lượng, đặc biệt là từ sau năm 2006, khi khu vực KTTN được khẳng định “là một trong những động lực của nền kinh tế”, cùng với việc ban hành *Luật Doanh nghiệp 2005* và *Luật Đầu tư 2005*, số lượng doanh nghiệp khu vực KTTN đăng ký năm

2007 tăng mạnh lên 59.150 doanh nghiệp và năm 2009 tăng vọt lên 83.000 doanh nghiệp. Chỉ sau 9 năm (2000-2009), số lượng doanh nghiệp khu vực KTTN đăng ký đã tăng lên khoảng 15 lần, thành tích ấn tượng này thể hiện sự hừng khởi của khu vực KTTN khi được “cởi trói”. Mặc dù số lượng doanh nghiệp hoạt động so với đăng ký sau năm 2000 chỉ đạt xấp

xi 50% nhưng số lượng doanh nghiệp bổ sung hàng năm vẫn rất cao, thể hiện sự năng động của khu vực KTTN trong tham gia thị trường<sup>2</sup>.

Cùng với việc triển khai chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN), tỉ trọng số lượng doanh nghiệp khu vực KTTN trong tổng số doanh nghiệp đã tăng nhanh từ 86% năm 2001 lên 94% năm 2006, và 96% năm 2011<sup>3</sup> và luôn duy trì ở mức tỉ trọng cao này cho đến nay. Sau 40 năm đổi mới, hiện khu vực KTTN có khoảng 940.000 doanh nghiệp, chiếm khoảng 98% tổng số doanh nghiệp<sup>4</sup>, hoạt động bao phủ hầu khắp

**Một số giải pháp thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị: Thống nhất quan điểm, tư duy, nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị và xã hội về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia; xác định rõ vai trò “là một động lực quan trọng nhất” của khu vực kinh tế tư nhân với “vai trò chủ đạo” của khu vực kinh tế nhà nước; vai trò của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh mới; hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh bình đẳng, công bằng, thuận lợi; có các chính sách khả thi, hiệu quả hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, bước đầu đáp ứng được vai trò động lực đẩy, tạo nền móng nâng đỡ sự phát triển của nền kinh tế, trong đó đã hình thành được một số tập đoàn KTTN lớn như Vingroup, SunGroup, Massan, Hòa Phát, Vietjet, TH, T&T, Thaco,... có tích lũy vốn lớn, đã khẳng định được thương hiệu và uy tín ở trong nước và quốc tế, đủ khả năng đảm trách vai trò động lực kéo dẫn dắt và lan tỏa phát triển theo địa phương, vùng và ngành kinh tế.

**Hai là, đóng góp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế.** Cùng với sự lớn mạnh nhanh chóng về số lượng và tỉ trọng trong tổng số doanh nghiệp, khu vực KTTN đã có những chuyển biến mạnh trong đóng góp vào tăng trưởng GDP, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tạo việc làm cho xã hội. Năm 2001, khu vực KTTN đóng góp khoảng 48% GDP, 40,19%

tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tạo việc làm cho 89,75% tổng số lao động trong nền kinh tế<sup>5</sup>. Hiện nay, doanh nghiệp khu vực KTTN đóng góp khoảng 51% GDP, gần 60% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tạo ra hơn 40 triệu việc làm, chiếm hơn 82% tổng số lao động trong nền kinh tế<sup>6</sup>. Như vậy, xét trên các tiêu chí đóng góp chính cho tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia, khu vực KTTN vượt trội hơn so với khu vực KTNN và khu vực FDI, đặc biệt trong đóng góp vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội và tạo việc làm cho xã hội. Tuy nhiên, cũng có thể thấy, mặc dù chiếm tỉ trọng rất lớn trong tổng số doanh nghiệp nhưng đóng góp trong tăng trưởng GDP và tổng vốn đầu tư toàn xã hội chưa tương xứng, do các doanh nghiệp khu vực KTTN chủ yếu có quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ, hạn chế về vốn, công nghệ, quản trị cũng như gặp khó khăn trong tiếp cận các nguồn lực phát triển (vốn, đất đai, tài nguyên, nguồn nhân lực chất lượng cao, công nghệ, thông tin).

### 3. Một số giải pháp chủ yếu

Để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4-5-2025 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế tư nhân” trong thời kỳ mới, theo chúng tôi cần một số giải pháp sau:

*Một là, tăng cường tuyên truyền, thống nhất quan điểm, tư duy, nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị và xã hội về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia*

Để thực sự “cởi trói” cách nhìn nhận, đối xử của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với khu vực KTTN, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng cần nhấn mạnh vai trò của khu vực KTTN là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Các bộ, ngành, chính quyền địa phương cần

ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, trong đó nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến KTTN cần được xác định là quan trọng hàng đầu; cần xác định rõ trách nhiệm, xây dựng rõ lộ trình thực hiện, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện, để Nghị quyết số 68-NQ/TW thực sự đi vào cuộc sống.

*Hai là, khuôn rõ nội hàm vai trò “là một động lực quan trọng nhất” của khu vực kinh tế tư nhân với nội hàm “vai trò chủ đạo” của khu vực kinh tế nhà nước; xác định rõ hơn vai trò của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong bối cảnh mới*

Sự rõ ràng trong quan điểm của Đảng về vai trò của khu vực KTTN là “một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia” trong Nghị quyết số 68-NQ/TW cũng đặt ra yêu cầu cần xác định, phân biệt rõ với “vai trò chủ đạo” của khu vực KTNN, cũng như vai trò của khu vực FDI trong kỷ nguyên mới, hướng tới một nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường, năng động, năng lực cạnh tranh cao, chủ động hội nhập quốc tế. Vai trò chủ đạo của khu vực KTNN cần thể hiện nhiều hơn ở vai trò kiến tạo phát triển, dẫn dắt và lan tỏa phát triển, “tạo sân chơi”, hỗ trợ “cuộc chơi” trong các ngành, lĩnh vực yêu cầu cao về năng lực tài chính và công nghệ; các doanh nghiệp khu vực KTNN cần hướng tới tính chất là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô, đảm bảo an ninh quốc gia, giảm thiểu mất cân đối trong phát triển vùng miền, nhiều hơn là “người chơi trực tiếp” trong những ngành, lĩnh vực mà khu vực KTTN đã khẳng định được vai trò đóng góp. Đồng thời, cần điều chỉnh chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài hướng tới vai trò của khu vực FDI rõ nét hơn trong kết nối mạng sản xuất và chuỗi cung ứng toàn cầu, thâm nhập thị trường quốc tế, chuyển giao

công nghệ và quản trị hiện đại. Việc xác định rõ nội hàm và vai trò của khu vực KTNN, khu vực FDI và khu vực KTTN sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển.

*Ba là, tiếp tục rà soát, hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh bình đẳng, công bằng, thuận lợi; ban hành các thể chế, chính sách khả thi, hiệu quả hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ*

Chính phủ cần thành lập tổ liên ngành để rà soát các văn bản pháp lý, sửa đổi đồng bộ, thống nhất, phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 68-NQ/TW, tạo không gian phát triển tối đa cho các doanh nghiệp khu vực KTTN, loại bỏ triệt để các rào cản về thể chế, các loại “giấy phép con” cản trở sự phát triển của khu vực KTTN. Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ ngành, chính quyền địa phương rà soát, điều chỉnh, ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ có tính khả thi và hiệu quả, tập trung vào công nghệ, tài chính, đào tạo nhân lực và quản trị, thông tin về thị trường, đối tác, công nghệ, cùng với phát huy tốt hơn vai trò quy tụ, kết nối của các hiệp hội doanh nghiệp, vai trò dẫn dắt của các “doanh nghiệp đại bàng”.

Mặc dù các doanh nghiệp vừa và nhỏ rất cần có các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, sự đồng hành của các hiệp hội doanh nghiệp, sự dẫn dắt của các “doanh nghiệp đại bàng”, nhưng trên hết, khu vực KTTN cần một môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho tất cả các loại hình doanh nghiệp; cần được đối xử bình đẳng, công bằng trong tiếp cận các nguồn lực phát triển, đặc biệt là đất đai, tài nguyên, tín dụng, công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao và thông tin về công nghệ, đối tác và thị trường.

Qua 40 năm đổi mới, cùng với sự chuyển biến trong quan điểm, tư duy, nhận thức của Đảng về vai trò của khu vực KTTN, từ những bước đi thận trọng trong những kỳ Đại hội đầu tiên từ khi bắt đầu đổi mới cho đến bút phá mạnh mẽ từ Đại hội XI của Đảng và đặc biệt là trong Nghị quyết số 68-NQ/TW, khu vực KTTN đã từng bước lớn mạnh về số lượng, trưởng thành về năng lực cạnh tranh, ngày càng khẳng định rõ hơn vai trò và đóng góp đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia, thúc đẩy cải cách thể chế và hội nhập quốc tế. Để hướng tới một nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường, năng động, năng lực cạnh tranh cao, chủ động hội nhập quốc tế, khu vực KTTN cần có bước chuyển mình mạnh mẽ để nâng cao vị thế, khẳng định rõ hơn vai trò là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, trong sự phối hợp đồng bộ, thống nhất với vai trò chủ đạo của khu vực KTNN và vai trò kết nối mạng sản xuất và chuỗi cung ứng toàn cầu, thâm nhập thị trường quốc tế, chuyển giao công nghệ và quản trị hiện đại của khu vực FDI.

1, 3. Vũ Hùng Cường, *Kinh tế tư nhân - một động lực cơ bản cho phát triển* (sách chuyên khảo), Nxb Khoa học xã hội, H, 2016, tr.185-187, 112-113

2, 5. Vũ Hùng Cường, *Kinh tế tư nhân và vai trò động lực tăng trưởng* (sách chuyên khảo), Nxb Khoa học xã hội, H, 2011, tr. 135-137, 174-191

4, 6. Tô Lâm: “Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng”, *Chính sách & Cuộc sống - Chuyên trang Thông tin của TTXVN*, ngày 17-3-2025, <https://chinh sach cuoc song.vn/ai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-don-bay-cho-mot-viet-nam-thinh-vuong-phan-i/57473.html>.